

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2026

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoàn Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Mưa Lớn

2. Bà Đỗ Thị Thúy Diễm

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 363/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà [Huỳnh Thị Diễm H](#), sinh năm 1994

Địa chỉ: [ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long](#).

***Bị đơn:** Ông [Chu Văn K](#), sinh năm 1990

Địa chỉ: [Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên](#).

Địa chỉ hiện nay : [Công ty TNHH C1](#), [19-2 B-ro](#), [U-gu](#), [C-si](#), [K1](#)-do (Hàn Quốc).

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) trình bày:

Bà và ông [Chu Văn K](#) tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại [Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên](#) vào ngày 06/02/2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà [H](#) là do quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp với nhau. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, bà dẫn theo 02 con chung về quê Bến Tre sinh sống. Nay bà thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nên bà yêu cầu Tòa án cho ly hôn ông [K](#).

Trong quá trình hôn nhân, bà và ông [K](#) có 02 con chung tên [Chu Hoàng Bảo K2](#), sinh ngày 04/8/2011 và [Chu Hoàng Thế H1](#), sinh ngày 12/4/2014. Sau khi ly hôn, bà [H](#) yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung. Bà [H](#) không yêu cầu ông [K](#) cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Bà [H](#) trình bày không có.

Về nợ chung: Bà [H](#) trình bày không có.

* Bị đơn ông [Chu Văn K](#) không đến Tòa án nhưng có văn bản trình bày ý kiến

Ông và bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau, chung sống và hiện nay chúng tôi không còn tình cảm vợ chồng như bà [H](#) đã nêu trong đơn yêu cầu ly hôn. Về hôn nhân, ông đồng ý ly hôn với bà [Huỳnh Thị Diễm H](#). Hiện nay ông đang đi xuất khẩu lao động và đang làm việc tại [Công ty TNHH C1, 1 B-ro, U-gu, C-si, K1](#)-do tại Hàn Quốc nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long giải quyết vắng mặt ông, ông không khiếu nại quyết định của Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án gửi bản án cho ông qua cha ruột ông nhận thay theo địa chỉ : ông [Chu Văn T](#) (cha ruột), đội 1, [xóm A, thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên, nay là Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên](#), số điện thoại ; 0979075269.

Về con chung: Ông đồng ý để bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung [Chu Hoàng Bảo K2](#), sinh ngày 04/8/2011 và [Chu Hoàng Thế H1](#), sinh ngày 12/4/2014. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung cũng như không cấp dưỡng cho bà [H](#) sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: ông [K](#) trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) đối với ông [Chu Văn K](#); Bà [H](#), ông [K](#) không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét; Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên [Chu Hoàng Bảo K2](#), sinh ngày 04/8/2011 và [Chu Hoàng Thế H1](#), sinh ngày 12/4/2014. Sau khi ly hôn, bà [H](#) yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Bà [H](#) không yêu cầu ông [K](#) cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung: Bà [H](#), ông [K](#) trình bày không có nên đề nghị không xem xét giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, nguyên đơn bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) đang cư trú tại địa chỉ [xã V, tỉnh Vĩnh Long](#), bị đơn ông [Chu Văn K](#) đang đi xuất khẩu lao động và đang làm việc tại [Công ty TNHH C1, 1 B-ro, U-gu, C-si, K1](#)-do tại Hàn Quốc nên căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét thấy, nguyên đơn bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) và bị đơn ông [Chu Văn K](#) có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà [H](#), ông [K](#) là đúng quy định.

[3] Về hôn nhân: Ông [Chu Văn K](#) và bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên](#) vào ngày 06/02/2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay bà [H](#) xác định không còn tình cảm với chồng nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Ông [K](#) thống nhất lời trình bày của bà [H](#) và đồng ý ly hôn với bà [H](#). Bà [H](#) và ông [K](#) cùng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án mở phiên tòa xét xử giải quyết vụ án.

Căn cứ theo biên bản xác minh bà [Huỳnh Thị Ngọc T1](#) là em gái của bà [H](#) cho biết: Vợ chồng bà [H](#), ông [K](#) sau khi kết hôn bà [H](#) về nhà ông [K](#) sống được một thời gian khoảng 06 năm, sau đó hai vợ chồng về quê bà [H](#) sinh sống khoảng hơn 01 năm. Vợ chồng ông [K](#), bà [H](#) có mâu thuẫn với nhau thế nào bà không rõ, tuy nhiên khoảng năm 2020 thì ông [K](#) bắt đầu đi hợp tác lao động ở nước ngoài thì bà không thấy ông [K](#) trở về thăm vợ con nữa. Mâu thuẫn giữa bà [H](#) với ông [K](#) thực tế đã xảy ra, vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian dài không thể hàn gắn, do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà [H](#) với ông [K](#).

[4] Về con chung: Vợ chồng bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) và ông [Chu Văn K](#) có 02 con chung tên [Chu Hoàng Bảo K2](#), sinh ngày 04/8/2011 và [Chu Hoàng Thế H1](#), sinh ngày 12/4/2014. Sau khi ly hôn, bà [H](#) yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, ông [K](#) đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giao cho bà [H](#) tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung là phù hợp. Ghi nhận bà [H](#) không yêu cầu ông [K](#) cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) trình bày tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) phải chịu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 40, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà [Huỳnh Thị Diễm H.](#)

- *Về hôn nhân*: Bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) được ly hôn với ông [Chu Văn K.](#)

- *Về con chung*: Ông [Chu Văn K](#) và bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) có 02 con chung tên [Chu Hoàng Bảo K2](#), sinh ngày 04/8/2011 và [Chu Hoàng Thế H1](#), sinh ngày 12/4/2014. Sau khi ly hôn, bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung. Ghi nhận bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) không yêu cầu ông [Chu Văn K](#) cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Ông [Chu Văn K](#) được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Ông [Chu Văn K](#) và bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) trình bày tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông [Chu Văn K](#) và bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) trình bày nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà [Huỳnh Thị Diễm H](#) phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012957 ngày 24/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 6- Vĩnh Long;
- UBND xã Hưng Khánh Trung;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đoàn Trang

